

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/HS - ST**
Ngày: 28 - 4- 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thanh Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thanh Hoàn.**

Ông Nguyễn Thế Căn.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Huệ** -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Kiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 26/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Th** (*tên gọi khác: không*); Sinh ngày 20/6/1960, tại: C, Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ xx, khu xA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Sơn T (đã chết); và bà Tô Thị C (đã chết); có vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1965; và con: 03 con (lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt quả tang ngày 25/12/2019, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Móng Cái. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Bùi Mai A**, sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt có lý do.

Người chứng kiến: Anh **Bùi Văn T** - Sinh năm: 1978; Chỗ ở hiện nay: thôn x, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Th do quen biết từ trước với người đàn ông tên B (không rõ địa chỉ cụ thể) nên khi được B đặt vấn đề thuê vận chuyển thuốc lá điều từ thành phố M về thành phố C với tiền công vận chuyển là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)/thùng, Th nhận lời. Hai bên thỏa thuận khi nào có hàng thì chuyển đến nơi Th đang ở (nhà của chị Bùi Mai A) tại khu x, phường H, thành phố M. Sau đó Th đã thuê xe ô tô bán tải biển kiểm soát 14C - 288.78 của chị Bùi Mai A mục đích để vận chuyển thuốc lá. Vào khoảng 04 giờ 00 phút ngày 25/12/2019, một người đàn ông điều khiển xe ô tô bán tải (không rõ biển kiểm soát) chở thuốc lá điều của B đến giao cho Th 03 thùng carton và 06 bao tải dứa (7 thùng thuốc lá điều). Đến khoảng 5 giờ 30 phút, sau khi đã cất giấu tất cả số thuốc lá vào trong các hầm đã tự chế trên xe ô tô thuê của chị Bùi Mai A. Khi Th chuẩn bị lên xe ô tô để vận chuyển thuốc lá về thành phố C thì bị tổ công tác Đội kiểm soát Hải quan số 01 - Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Thu giữ của Th 100 cây = 1000 bao thuốc lá điều nhãn hiệu BLEND NO.555 MANDARIN (loại 10 bao/cây, 20 điếu/bao) và 250 cây = 2.500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu BLEND NO.555 SIGNATURE (loại 10 bao/cây, 20 điếu/bao) điều in nhãn mác nước ngoài sản xuất; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 xe ô tô biển kiểm soát 14C - 288.78 cùng giấy tờ liên quan; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Th có lời khai phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai thể hiện: Do không có công việc ổn định nên bị cáo đã nhận lời vận chuyển thuê cho người đàn ông tên Bằng 07 thùng thuốc lá điều in nhãn mác nước ngoài sản xuất từ thành phố Móng Cái vào thành phố C để lấy tiền công thì bị cơ quan Hải quan phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng thu giữ.

Người chứng kiến: Anh Bùi Văn T có lời khai thể hiện về thời gian, địa điểm anh được chứng kiến việc kiểm tra và lập biên bản phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn Th về việc vận chuyển thuốc lá điều in nhãn mác nước ngoài sản xuất. Việc lập biên bản bắt giữ đối với Th được thực hiện đúng và đảm bảo các quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Mai A có lời khai thể hiện việc chị và Nguyễn Văn Th quen biết nhau, khi Th ra thành phố M không có chỗ ở nên chị cho ở nhờ tại nhà chị ở khu x, phường H, thành phố M. Sau đó Th đã thuê xe ô tô bán tải biển kiểm soát 14C- 288.78 của chị với giá 500.000đ/ngày để vận chuyển hàng; Việc Th dùng chiếc xe trên để vận chuyển thuốc lá là mặt hàng nhà nước cấm chị hoàn toàn không biết. Nay chị đã được cơ quan điều tra trả lại xe ô tô và giấy tờ liên quan nên chị không có yêu cầu gì thêm.

Tại chứng thư giám định về tình trạng và nguồn gốc số 19D06CV7068 - 01 ngày 28/12/2019 của Vinacontrol Quảng Ninh, kết luận: 100 cây = 1000 bao thuốc

lá điều nhãn hiệu BLEND NO.555 MANDARIN và 250 cây = 2.500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu BLEND NO.555 SIGNATURE thu giữ của Nguyễn Văn Th là thuốc lá điều, không sản xuất tại Việt Nam.

Bản cáo trạng số 48/CT -VKSMC ngày 26/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội: “*Vận chuyển hàng cấm*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th cho Ủy Ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Iphone 6 đã qua sử dụng bên trong lắp sim số thuê bao 0379.122.598 và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Th.

Tại phần tranh luận: Bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội, thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Trong lời nói sau cùng : Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau; phù hợp với lời khai của người chứng kiến; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chứng thư giám định; sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu,

chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn Th có hành vi vận chuyển 3.500 bao thuốc lá điều nhãn hiệu do nước ngoài sản xuất (nhãn hiệu BLEND NO.555 MANDARIN và nhãn hiệu BLEND NO.555 SIGNATURE) không có hóa đơn, chứng từ, tem nhập khẩu kèm theo để lấy tiền công vận chuyển thì bị phát hiện bắt giữ. Số lượng thuốc lá thu giữ của bị cáo được giám định là thuốc lá điều, không sản xuất tại Việt Nam.

Xét hành vi bị cáo thực hiện; số lượng thuốc lá thu giữ đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố M đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất và hành vi bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Nguyễn Văn Th nhận thức rõ hành vi vận chuyển 3.500 bao thuốc lá điều do nước ngoài sản xuất được nhập lậu vào Việt Nam là hàng hóa Nhà nước cấm lưu hành, nhưng vì mục đích lợi nhuận bị cáo đã nhận lời vận chuyển thuê để lấy tiền công, bất chấp các quy định của pháp luật. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đề cao tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà xử bị cáo mức án cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình.

Bị cáo Nguyễn Văn Th đang bị tạm giam từ ngày 25/12/2019 đến ngày 28/4/2020 về tội “Vận chuyển hàng cấm” và không bị tạm giam về tội phạm nào khác, do đó cần trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên Tòa.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên,

xét bị cáo không có tài sản và công việc, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Đối với 3.500 bao thuốc lá (nhãn hiệu BLEND NO.555 MANDARIN và BLEND NO.555 SIGNATURE). Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định. Mẫu vật hoàn trả sau giám định 3.240 bao do không còn giá trị, không sử dụng được đã tiêu hủy nên không xét.

- 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 14C - 288.78 cùng giấy tờ liên quan là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội xác định là tài sản hợp pháp của chị Bùi Mai A nên đã được cơ quan Công an trả lại cho chị Mai A nên không xét.

- 01 chiếc Iphone 6 đã qua sử dụng bên trong lắp sim số thuê bao 0379.122.598 và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Th thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[6] Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Hình sự quy định; tại phiên Tòa bị cáo đã thừa nhận thực hiện hành vi như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo : Bị cáo và người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

[9] Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị bản án theo quy định.

[10] Liên quan trong vụ án có người đàn ông tên B thuê bị cáo vận chuyển thuốc lá và người đàn ông chở thuốc lá của B đến cho Th, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý, Hội đồng xét xử không đề cập.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Văn Th** - tên gọi khác: không.

Phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”.

Áp dụng: Điểm e, khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn Th 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn kể từ ngày tuyên án, ngày 28/4/2020.

Áp dụng: Khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; trả tự do cho bị cáo

Nguyễn Văn Th ngay tại phiên Tòa.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th cho Ủy Ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, có số IMEL: 358352068033706, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, bên trong máy có gắn 01 sim có số thuê bao 0379.122.598.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Th.

(Hiện trạng vật chứng được miêu tả theo Lệnh xuất kho vật chứng số 51 ngày 02/4/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố M và biên bản giao nhận vật chứng số 68/2020/THA ngày 02/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo Nguyễn Văn Th biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Về quyền kháng nghị: Căn cứ Điều 336, khoản 1 Điều 337 Bộ luật tố tụng Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND t. p M;
- Công an t.p M;
- Thi hành án;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Thanh Phương